NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TRONG BÚT KÍ HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

HỒ THỊ THANH THUỶ*

TÓM TẮT: Ngôn ngữ đặc sắc là yếu tố tạo ra sự thành công cho tác phẩm và nhà văn. Hoàng Phủ Ngọc Tường có tuyển tập bút kí nổi tiếng "*Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập*" - gồm 3 tập; xuất bản năm 2023. Trong đó, nhà văn thành công khai thác ngôn ngữ "chất thơ" bằng việc phân tích các mặt: Ngôn ngữ giàu nhạc điệu qua cách vận dụng điệu hò, điệu lí, bản nhạc của các nhạc sỹ tạo ngôn ngữ riêng độc đáo; những biện pháp tu từ nghệ thuật: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, câu hỏi tu từ vừa để kết nối thực tại với ảo mộng vừa để ngợi ca; ngôn ngữ thơ ca tạo nên chất thơ trong sáng tác; kết hợp ngôi kể với phương ngữ tạo ra các trạng huống vừa gần gũi, giản dị của người bản xứ vừa lấp lánh cấu trúc kì ảo của ngôn ngữ những tứ thơ.

TỪ KHÓA: Ngôn ngữ bút kí; ngôn ngữ giàu nhạc điệu; biện pháp tu từ nghệ thuật; ngôn ngữ của thơ ca; kết hợp ngôi kể với phương ngữ.

NHẬN BÀI: 06/11/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 28/01/2026

1. Đặt vấn đề

1.1. Lí do chọn vấn đề

Trong sự thành công về mặt nghệ thuật, ngôn ngữ góp một vị trí quan trọng. Tùy thuộc vào giai đoạn lịch sử hoặc thể loại mà nhà văn chọn lựa hình thức ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt. Để khẳng định tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với tác phẩm văn học và gắn liền với vai trò của nhà văn, nhóm tác giả cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* đã nhận định: "*Trong tác phẩm, ngôn ngữ văn học là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn. Mỗi nhà văn lớn bao giờ cũng là tấm gương sáng về mặt hiểu biết sâu sắc ngôn ngữ nhân dân, cần cù lao động để trau dồi ngôn ngữ trong quá trình sáng tác*" (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi 2010, tr.215).

Khi nói tới vấn đề khai thác ngôn ngữ "chất thơ" trong văn học nói chung và văn xuôi nói riêng, chúng ta thường nhắc tới các nhà văn sáng tác thời kì văn học 1900 đến 1945. Đây là giai đoạn văn xuôi cùng với các thể loại khác bước vào quá trình hiện đại hoá văn học một cách nhanh chóng. Cụ thể, "chất thơ" trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, trong truyện ngắn của Thạch Lam hay dòng truyện ngắn trữ tình của ba cây bút Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ DZếnh… đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Giai đoạn về sau, ngôn ngữ "chất thơ" ở bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường chưa có bài viết nào phân tích đầy đủ, đây chính là lí do chúng tôi lựa chọn "*Ngôn ngữ nghệ thuật trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường*" và tập trung vào các biểu hiện tạo nên ngôn ngữ "chất thơ" làm chủ đề cho bài viết.

1.2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Bàn về khái niệm "Ngôn ngữ nghệ thuật", cuốn "*Từ điển văn học bộ mới*" viết như sau: "*Khái niệm chỉ loại hình ngôn ngữ dùng để biểu đạt nội dung hình tượng của các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*" (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá, 2004, tr.1090). Ở đây, các tác giả nói thêm về mặt chất liệu, về đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật: "*Về mặt chất liệu; các phương tiện ngôn ngữ được thể hiện ở nghệ thuật ngôn từ có thể không khác gì các phương tiện từ vựng, ngữ pháp của ngôn ngữ toàn dân cũng như không khác gì các yếu tố phương ngữ, ngôn ngữ thông tục và biệt ngữ, văn xuôi sự vụ và văn xuôi khoa học… Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật là chiếm lĩnh thế giới về mặt tinh thần. ngay từ những bước đầu tiên, nó đã hướng vào những hiện tượng phức tạp nhất của đời sống và của xã hội, vì thế nó sẽ không thể được thực hiện nếu không vượt khỏi giới hạn của ngôn ngữ văn học chuẩn mực hoá, nếu không thoả mãn những yêu cầu của nghệ thuật ngôn từ: cần một hệ thống phương tiện ngôn ngữ rộng rãi hơn, tự do hơn, năng động hơn*" (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá, 2004, tr.1091). Còn bản chất của ngôn từ nghệ thuật và những phương pháp phân tích nó, nhóm tác giả này nhận định rằng: Hiện tại, nó vẫn còn những bất đồng nhất định trong giới nghiên cứu văn học và ngôn ngữ. Cụ thể, họ

**TS; Trường Đại học Đồng Nai; Email: thuyhodhdn@gmail.com*

không cùng quan điểm trong cách phân lập "ngôn ngữ" hay "ngôn từ"; quan niệm trái ngược về tương quan giữa hai mặt "kĩ nghệ" và "tư tưởng" trong tác phẩm nghệ thuật; rồi xem trọng hay coi nhẹ "những qui luật nội tại" của sự phát triển ngôn ngữ trong văn học; hoặc khuynh hướng phân tích "nội quan" ngôn từ nghệ thuật.

Với khái niệm bút kí, tài liệu trên đã viết: "*Một thể loại thuộc nhóm thể tài kí nhằm ghi lại sự việc, con người, cảnh vật… mà nhà văn mắt thấy tai nghe, thường là trong một chuyến đi, một lần tìm hiểu nào đó. Bút kí là thể trung gian giữa kí sự và tuỳ bút*" (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá, 2004, tr.172-173). Bút kí thường có dung lượng ngắn gọn, tác giả hay chú trọng vào việc phản ánh hiện thực đời sống. Vì thế, bút kí là một thể loại của văn học gắn liền với ghi chép qua trải nghiệm thực tế của nhà văn. Nét đặc biệt ở thể loại này là ngoài ngôn ngữ kể việc tỉnh táo, khách quan ra thì nó còn sử dụng ngôn ngữ trữ tình, chứa đựng cảm xúc sâu lắng của chủ thể. Do đó, bút kí có chất trữ tình, mà chất trữ tình vốn là một thuộc tính nổi bật của thơ. Thể loại bút kí thường ghi chép lại những con người thực, sự việc thực mà nhà văn đã chứng kiến, quan tâm kết hợp với suy nghĩ, cảm xúc của mình nhằm để truyền tải tư tưởng cá nhân. Với đặc trưng này thì bút kí có khả năng thiên về khái quát đời sống. Ở thể loại bút kí: "*Tác giả chú ý nhiều đến việc điển hình hoá những tính cách bằng nhiều biện pháp nghệ thuật như xây dựng cốt truyện (tuy không chặt chẽ như trong truyện ngắn, nhất là không có xung đột duy nhất), sử dụng các yếu tố liên tưởng, trữ tình*" (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2010, tr.29). Theo nhận định này thì kí có thể mang những đặc trưng cơ bản của văn xuôi như: Phát hiện thế giới hiện thực khách quan nên thường cần một lối văn ngắn gọn, chính xác. Ngoài việc miêu tả thực và miêu tả đúng con người, sự vật, sự việc; thể loại bút kí còn chứa đựng vai trò biểu cảm và biểu cảm thuộc đặc trưng của thơ.

Về Hoàng Phủ Ngọc Tường và thể loại bút kí, ông là một trong những nhà văn tạo được dấu ấn ở thể loại này. Có khá nhiều nghiên cứu về tác phẩm của ông. Trong bài viết này, chúng tôi tóm lược một số nghiên cứu gần gũi với chủ đề. Cụ thể, ở bài bàn về: "*Phong cách của bút kí Hoàng Phủ ngọc Tường*", Cao Ngọc Thắng quan tâm tới việc nhà văn sử dụng kí ức một cách có hiệu quả, là người kể chuyện bằng thể loại kí, dành tình yêu cho thiên nhiên đặc biệt là thiên nhiên xứ Huế. Trong "*Đặc điểm kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường dưới góc nhìn thể loại*", Vi Thị Thanh Huệ đã phân tích ba vấn đề: Khái quát về kí, vị trí của thể loại; hiện thực cuộc sống con người, thiên nhiên và một số đặc sắc nghệ thuật trong kí của ông. Ở công trình nghiên cứu: "*Đặc điểm ngôn ngữ bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường*", Đậu Thành Vinh đã làm sáng tỏ các nội dung: Trường từ vựng, câu, các biện pháp tu từ; đặc điểm về sự mạch lạc; ẩn dụ tri nhận trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Từ việc lược thuật các nghiên cứu gần gũi với bài viết nêu trên cho chúng ta thấy, tác giả là một cây bút đa phong cách trong việc sử dụng nghệ thuật. Có những bút kí ông kết cấu như một truyện ngắn có cốt truyện, có kết cấu truyện đa chiều. Lại có những tác phẩm, ông xây dựng thế giới nhân vật phong phú, có tâm trạng của nhân vật, có ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật… Trong bài viết này, chúng tôi quan tâm tới vấn đề: *Ngôn ngữ nghệ thuật trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường* (ở ba cuốn "*Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập"* - tập 1, 2, 3 do Nhà xuất bản Trẻ xuất bản năm 2023); cụ thể tập trung phân tích các yếu tố tạo nên ngôn ngữ thấm đượm "chất thơ" trong các bút kí của ông. Bài viết sử dụng thuật ngữ "chất thơ" như những khái niệm quy ước, "chất thơ" là thiên hướng chọn lọc những nét đẹp, nét nên thơ của cuộc sống qua nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Các sáng tác của nhà văn có nhu cầu mở lối để thơ tràn vào với cách chọn ngôn ngữ bàng bạc chất thơ đã tạo ra màu sắc trữ tình cho tác phẩm. Chất trữ tình vốn đã xâm nhập vào thể loại kí của một số tác giả trước đó: Nguyễn Tuân với *Thiếu quê hương, Chiếc lư đồng mắt cua*…; Tô Hoài với *Cỏ dại, Thành phố Lênin*... Tuỳ thuộc dụng ý sáng tạo của mỗi nhà văn mà chất trữ tình đó có thể đan xen hay chiếm ưu thế giữa chất tự sự. Chất trữ tình trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường đan cài vào tất cả đối tượng và thăng hoa thành chất thơ của ngôn ngữ.

2. Đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường

2.1. Ngôn ngữ giàu nhạc điệu

Yếu tố đầu tiên tạo nên chất thơ của ngôn ngữ bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường đó là ngôn ngữ giàu nhạc điệu. Ông sử dụng nhiều điệu lí, điệu hò dân gian; nhiều ca từ của các bản nhạc nổi tiếng. "Thi trung hữu nhạc" vốn là một đặc điểm của thi ca, đó là nhạc của lòng người, là tiếng lòng của nhân vật, của "người

thơ". Đọc các bút kí trong ba tập sách nêu trên, chúng ta nhận thấy, nhiều trang văn sử dụng ngôn ngữ có tính nhạc, gợi nhớ nhạc. Độc giả như văng vẳng bên tai ca từ du dương của điệu hò xứ Huế. Đó là giọng hò mái đẩy trong *Ưng Bình Thúc Gia Thị*: "*Chiều chiều trước bến Vân Lâu/ Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm/ Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông/ Thuyền ai thấp thoáng bên sông/ Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.300). Theo nhà văn, ngôn ngữ của những điệu hò trên sông Hương gần gũi với những khúc hát ru của người mẹ ru con, của những bài dân ca Việt Nam: "*Một vũng nước trong, mười dòng nước đục/ Một trăm người tục, một chục người thanh/ Biển đâu gan ruột gởi mình/ Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân*" (Nhiều tác giả 2023c, tr.300). Với *Lý qua đèo,* nhà văn lại thể hiện tài cảm nhận, sử dụng, phân tích ngôn ngữ của điệu lí qua vai nhân vật biểu diễn: "Lý, nguyên tiếng Hán Việt có nghĩa là xóm. Vậy điệu lí có nghĩa là điệu hát lưu hành nơi thôn xóm… Chiều chiều dắt bạn qua đèo/ Con chim kêu (nớ/ bên nớ)/ ú, oá, chi rứa/ Chi chi rứa/ Ức ức… Con vượn trèo/ (ni) bên ni. Tất cả đều là câu hát, trừ những chữ "*uý, óa… chi rứa, chi chi rứa, ức ức" là những tiếng nói chen vào. Theo tôi đó chính là giọng nói của người nữ đi trước lúc qua đèo. Người con trai đi sau, làm cử chỉ gì đó không biết, người con gái bật lên tiếng kêu ngạc nhiên uý, oá, chi chi rứa và sau đó là giọng hổn hển ức ức*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.62). Để cho thấy nghệ thuật vận dụng ngôn ngữ linh hoạt, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn phân tích bài ca trong *Kinh Thi* để nói về loài "thạc thử" với nghĩa mỉa mai: Chúng (loài thạc thử - chuột hạm) là loài tham lam chuyên đục khoét của dân: "*Khệ tương khứ nhữ/ Thích bỉ lạc giao!/ Lạc giao! Lạc giao!/ Thuỳ chi vĩnh hào*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.146). Để diễn tả tâm trạng của một nhà chí sĩ yêu nước những năm đầu thế kỉ XX bị giam lỏng, phải chịu cảnh sống "Cá chậu chim lồng" của Ông già Bến Ngự - Phan Bội Châu, nhà văn mượn ngôn ngữ một điệu hò mái nhì: "Biển Thái Bình Dương đang nên cơn sóng nổi/ Chiếc thuyền em trôi nổi tựa cánh bèo/ Sao không ra tay giúp chống đỡ chèo/ Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền, hò ơ, hò ơ… Cụ Phan giật mình, bảo bà Nữ đi tìm người vừa hò câu *mái nhì đến gặp. Một cô gái mặc áo vá vai dịu dàng đứng vòng tay cúi đầu trước Ông Già Bến Ngự. Cụ móc hầu bao thưởng cô gái mấy "giác bạc", rồi chắp tay vái tạ, suốt đêm ấy cụ Phan trằn trọc không ngủ*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.100). Trong bút kí, người đọc còn nghe vẳng vẳng khúc hát ru bên đồi sim: "Đói lòng ăn nửa trái sim…/ Hai tay anh vin cả hai cành/ Trái chín thì hái, trái xanh thì đừng. Đọc bút kí của ông, chúng ta còn nghe âm thanh "Đàn kêu tích tịch tình tang/ Ai mang công chúa dưới hang trở về" của truyện cổ tích *Thạch Sanh* mà nhà văn gọi đó là "huyền thoại", qua hành động cứu công chúa của chàng bằng tiếng đàn được ông nhận xét: "*Thạch Sanh là hình tượng của chủ nghĩa nhân bản vì chàng chống đỡ lại cái ác, không phải bằng bom đạn mà bằng một cây đàn êm đềm, chàng là một gương mặt tiêu biểu của "âm nhạc vì hoà bình*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.252). Bên cạnh điệu lí, điệu hò mái nhì, mái đẩy hay âm nhạc của "huyền thoại"; nhà văn còn là người mê nhạc Trịnh. Ông dành nhiều trang bút kí với ngôn ngữ phân tích sâu sắc về ca từ của nhạc Trịnh Công Sơn và ngân nga các bản nhạc du dương này. Trong tác phẩm *Tuyệt tình cốc*, ông đã trích dẫn nhạc Trịnh Công Sơn: "*Đá lăn, vết lăn trầm/ Từ cơn đau ấy lưu thân mỏi mòn/ Ôi mắt thần van xin lời thánh đêm/ Bài ca dao trên cồn cát, trên ngai vàng quê nhà một thời ngủ yên tuổi xanh… Rồi một hôm…*". (Nhiều tác giả, 2023a, tr.111). Từ đây ông đã phân tích giai điệu, ca từ của bài hát *Vết lăn trầm* là "Giai điệu buồn sang trọng và ý tưởng sâu thẳm". Nhà văn thật tài tình khi viết về văn hoá Huế với phong tục cúng tơ hồng. Trong đêm tân hôn, cô dâu và chú rể sẽ làm lễ cúng tơ hồng bằng những lễ vật dân giã, giản đơn gồm: khoai lang, gừng, muối theo cách nói của người Huế là "của ít lòng nhiều"; theo tác giả, lễ vật giản đơn này bày tỏ cái tâm (tấm lòng) và từ đây ông đã dẫn ca từ của một nhạc phẩm Trịnh Công Sơn: "*Cái tâm hoặc gọi là "tấm lòng" chỉ để cho mà không cần "nhận" lại chút gì cả, như trong bài hát của Trịnh Công Sơn: Sống trong đời sống cần có một tấm lòng/ Để làm gì em biết không? - Để gió cuốn đi*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.128). Qua ca từ nhạc Trịnh, nhà văn đã phân tích tâm hồn của người nhạc sĩ tài hoa này đó là tâm hồn nhạy cảm trước sự hữu hạn của đời người đã "*Thúc đẩy trầm tư âm nhạc của Trịnh Công Sơn tiếp cận với ý thức cát bụi… Sơn vẽ hướng tìm về cội nguồn minh triết của phương Đông, níu lấy cái tâm của mình để sống với đồng loại: Con tim yêu thương vô tình chợt gọi/ Lại thấy trong ta hiện bóng con người. Đây là sự dịu dàng của tâm hồn Trịnh Công Sơn, sự dịu dàng thuộc về bản chất đã khiến cho người này trở thành người Mẹ và người kia là nghệ sĩ"* (Nhiều tác giả, 2023a, tr.258). Nhà văn cũng phân tích nhạc điệu, ngôn ngữ của ca từ Trịnh Công Sơn và nhận định rằng những câu hát của nhạc sĩ tài danh

này có sức tiên đoán thật xa về thời cuộc, về xã hội: "*Một hôm bước chân về gác trọ/ Chợt nhớ đoá hoa tường vi*"; hay "*Mẹ ngồi ru con/ Đong đưa võng buồn*". Ở *Sử thi buồn*, nhà văn tái hiện tình cảm của nhân vật tôi dành cho cô giao liên tên Hát trong kháng chiến đẹp như bông hoa thạch thảo. Ngày hoà bình, Hát không còn nữa, những bông thạch thảo tự nở tự tàn. Tác giả ngậm ngùi thốt lên lời bài hát: "*Thiên thai, chốn đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian/ Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.94). Mượn lời trong bài hát của Văn Cao, tác giả tưởng tượng người nhạc sĩ đã đến nơi đây từ nghìn năm trước và hoá thân vào chốn này, cầm trái đào nhớ thương của nàng tiên nữ xuôi theo dòng nước về nhân gian không trở lại. Rồi người tiên và khách trần gian chia tay nhau, chén rượu chia tay của họ chìm xuống đáy sông và hoá thành một qủa núi đẹp như cổ tích đó là Hòn Chén. Để giải thích nguồn gốc của Hòn Chén, Hoàng Phủ Ngọc tường đã mường tượng ra hình ảnh chàng trai trần gian và nàng tiên nữ nâng chén rươụ chia tay, quyện cùng khúc nhạc "Thiên Thai" đã tạo nên một tác phẩm *Sử thi buồn* cũng là tên của bút kí này.

Có khá nhiều bút kí (mười lăm bài) tác giả đã dẫn lời của điệu hò, điệu lí hay bản nhạc của các nhạc sĩ nổi tiếng vào trong tác phẩm của mình. Điều này đã góp phần tạo nên ngôn ngữ giàu nhạc điệu trong sáng tác của ông.

2.2. Sử dụng sáng tạo các biện pháp tu từ nghệ thuật

Yếu tố thứ hai góp phần tạo nên chất thơ cho ngôn ngữ bút kí đó là các biện pháp tu từ. Nhà văn sử dụng sáng tạo nhiều biện pháp tu từ trong tác phẩm nhằm tạo hiệu ứng nghệ thuật. Bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng những phép tu từ vốn là sở trường của thơ để truyền đạt suy nghĩ, cảm xúc. Nhờ vào cách sử dụng ngôn ngữ đặc biệt này mà sự vật, sự việc được tăng sức gợi hình và trở nên sinh động, có hồn, ấn tượng hơn. *Hoa trái quanh tôi* là cảm nhận, tình cảm của tác giả về cây trái của xứ Huế qua miêu tả ngôi vườn An Hiên của bà Lan Hữu. Vận dụng biện pháp so sánh kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ đã giúp cho nhà văn kết nối giữa thực tại và ảo mộng. Ông thong thả thả hồn vào thiên nhiên vườn An Hiên: "*Dù trong những ngày thanh thản nhất, tôi vẫn cứ thấy như là yên lòng trở lại mỗi lần bước qua cái vòm cổng kia, thấy nhô lên ở cuối sân chiếc mái ngói cổ với những nét uốn cong giống như nụ cười nhếch mép của thời gian phảng phất giữa ngàn lá xanh biếc. Một lối đi khá dài, hai bên trồng mai trắng, lá đan vòm che trên đầu người như nối dài thêm cái vòm cổng dài đến sân… Trong phút chốc, nó đánh thức con người mơ mộng trong tôi để rủ nhau vào cuộc đối thoại với cây cỏ*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.8). Nhờ cách vận dụng uyển chuyển, khéo léo các biện pháp tu từ nghệ thuật như nhân hoá, ẩn dụ, so sánh… nên ngôn ngữ của bút kí ông không chỉ là ngôn ngữ của trần thuật, ghi chép lại những sự thật, những điều "mắt thấy tai nghe" về con người và sự kiện có thật, mà còn dẫn lối cho người đọc lâng lâng bước vào thế giới của hoài niệm, của cổ tích. Đọc những đoạn văn tả về cây trong vườn cho chúng ta cảm nhận nét đẹp ở cách sử dụng ngôn ngữ sống động của nhà văn: "*Vườn có một cây ngọc lan già năm chục tuổi, đứng sát cổng, cây cao bóng cả, đồ sộ như một áng thơ dân gian*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.8-9). Hoa toả hương thơm bay đi khắp và được nhà văn ví như "người danh sĩ dân giã trong vùng, chưa gặp đã biết". Hoàng Phủ Ngọc Tường thường dùng biện pháp tu từ nhân hoá - những từ ngữ vốn dành chỉ con người để miêu tả dòng Hương Giang, giúp con sông có ngoại hình và tính cách giống con người. Nét đẹp của dòng Hương ẩn mình giữa kinh thành Huế trầm mặc được ông thổi hồn vào có vẻ đẹp kiêu kì của một cô thiếu nữ pha lẫn chút cá tính: "*Chính cấu trúc với những yếu tố mạnh như vậy đã mang lại cho sông Hương một vẻ đẹp riêng xứng với tấm lòng yêu mến mọi người dành cho nó. Nó bình dị nhưng không tầm thường, trầm mặc nhưng không uỷ mị, dịu dàng nhưng vẫn tiềm ẩn khí mạnh của đất đai*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.103). Bằng nghệ thuật nhân hoá, so sánh độc đáo và dùng các tính từ, động từ; ông đã vẽ nét vẽ tươi đẹp cho dòng Hương Giang: "*Sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, phía đó, nơi cuối đường nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở cồn Gia Viên, Sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ, sang đến cồn Hến, đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu*" (Nhiều tác giả, 2023b, tr.10). Đồng thời, nó còn được so sánh với người phụ nữ có tài: "Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã *trở thành* một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya". Để nói về hiện tượng sương mù trên sông Hương, ông

có sự so sánh độc đáo: "*Sương mù là một nét phong vân riêng của sông Hương, xuất hiện khoảng cuối năm đến đầu hạ, vào tinh mơ, cuối chiều và những đêm trăng lạnh; cũng nhiều khi ghé lại bất ngờ như một gã lãng du*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.97). Bút kí *Tính cách Huế* viết về lịch sử hình thành vùng đất Huế với những đặc điểm tạo nên tính cách Huế như: Văn hoá làng, âm nhạc, mỹ thuật, màu sắc; qua giao lưu và giao thoa văn hoá giữa các vùng miền. Góp phần vào sự thành công của bút kí này, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá. Khi lí giải màu sắc đặc trưng nơi đây, ông đã thổi hồn vào mảnh đất khiến cho xứ Huế có tâm hồn, có cảm xúc, có lí tưởng: "*Nhiều người nhầm tưởng tâm hồn Huế là buồn, thực ra đấy là những cảm xúc được gạn lọc và không thích bộc lộ để thực hiện lí tưởng thăng bằng của nội tâm*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.126). Tác giả lặp lại từ "hơn", "hơn là" nhiều lần trong một câu văn để so sánh, để khẳng định vẻ đẹp riêng của xứ này, đó là vẻ đẹp được tạo ra từ sự hài hoà riêng cho từng cá thể, vẻ đẹp không đối xứng của kiến trúc Huế: "*Người Huế cảm nhận sự vật bằng trực giác hơn bằng lí tính, tâm hồn Huế thì thơ hơn là thực, và vì thế tính cách Huế là Thiền hơn là Nho*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.127). Với vườn Huế, ông lại nhào nặn cho nó linh hồn của con người: "*Khu vườn xưa cổ sầm uất, mùa nào cũng có những loài hoa đang nở, những trái cây đang chín, nhưng luôn luôn toả sáng một thần thái yên tĩnh và khoáng đạt, giống như sự tự do nội tâm*" (Nhiều tác giả 2023b, tr.5). Có khi, nhà văn lại gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên của một sự vật hiện tượng khác có mối quan hệ thân thuộc hoặc gần gũi bằng nghệ thuật hoán dụ để tạo ra hiệu quả biểu đạt cao đồng thời bày tỏ lòng mến yêu, gắn bó sâu sắc của ông với Huế. Chẳng hạn, cách nhà văn đặt tên tác phẩm: *Ngọn núi ảo ảnh* (tức núi Ngự), *Huế - bài thơ đô thị* (chỉ thành phố Huế), *Thành phố cỏ mả* (tức thành phố Huế), *Mảnh đất huyền thoại của tâm hồn tôi* (tức Vĩnh Linh), *Đất mũi* (tức Cà Mau), *Đứa con phù sa* (tức sông Thu Bồn), *Côn Sơn* (tức núi Côn Sơn), *Miền gái đẹp* (tức Tuyên Quang), *Kẻ sĩ* (chỉ Chu văn An), *Những thiên thể chiếu sáng trong tôi* (tức những câu chuyện huyền thoại)... Ông dùng câu hỏi tu từ để vừa khẳng định vừa ngợi ca nhân vật cổ tích: "*Nghĩ như vậy để thấy bấy giờ có một người đẹp từ một trái thị màu vàng bước ra trên mặt đất để mang theo muôn vàn việc tốt đẹp thì bảo sao những khán giả người Kơ Tu ấy không reo hò*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.251). Ông còn sử dụng câu hỏi tu từ để đặt tên cho tác phẩm, ví dụ: *Ai đã đặt tên cho dòng sông*... Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hoá, so sánh, hoán dụ, câu hỏi tu từ… đã góp phần tạo nên đặc sắc ngôn ngữ trong các bút kí của nhà văn.

2.3. Nghệ thuật hoà quyện chất thơ trong ngôn ngữ

Khi nói đến chất thơ trong văn xuôi, người đọc thường liên hệ tới dòng truyện ngắn trữ tình của Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ DZếnh. Thể loại bút kí cũng có thể sử dụng chất trữ tình vốn là một đặc trưng của thơ. Hoàng Phủ Ngọc Tường là một nhà văn thành công khi hoà quyện chất thơ vào các trang văn xuôi bằng cách trích dẫn thơ vào nhiều bút kí. Trích dẫn thơ là yếu tố thứ ba góp phần tạo ra "chất thơ" trong ngôn ngữ. Cụ thể, để khám phá bí mật của hương hoa trà mi, tác giả để cho nhân vật lẩy Kiều của cụ Nguyễn Du: "*Biết đâu hoa trà vẫn thơm, mình không nghe nhưng con ong thì bắt được. Chẳng thế mà cụ Nguyễn Du lại nói rằng: Con ong đã tỏ đường đi lối về*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.12). Khi ngợi ca vốn sống của cụ Nguyễn Tiên Điền lúc miêu tả nguồn gốc của hoa hải đường Trung Quốc (quê hương của Thuý Kiều), tác giả đã trích dẫn câu thơ đầy thuyết phục: "*Hải đường lả ngọn đông lân*". Trong *Sử thi buồn*, Hoàng Phủ tỏ ra là người am hiểu địa lí và yêu mến dòng Hương Giang vô bờ bến, ông cho biết hai cửa ra vào thành phố Huế là núi và biển, ở giữa là tấm sông băng qua đền đài lăng tẩm cổ xưa của kinh thành với nhiều vườn hoa trái ngọt lành. Điều này đã mang lại cho sông Hương vẻ đẹp riêng. Để lột tả vẻ đẹp này, ông cũng mượn ngôn từ trong thơ của cụ Nguyễn Du: "*Một mảnh thành mây khói và con sông Hương Long lanh đáy nước in trời*". Có khi, tác giả dẫn thơ để lột tả tâm trạng của nhân vật hay giải thích nguồn gốc tên gọi của một vùng đất ở Xứ Huế. Chẳng hạn, nhân vật bà Lan Hữu là chủ vườn An Hiên trong *Hoa trái quanh tôi*, bà thường nhớ lại, như một ám ảnh, câu thơ u uẩn của tâm trạng Tuy Lý: "*Bóng lá tre trong chén rượu cũng tuồng như khinh để*"; tác giả mượn câu thơ trên để nói về tâm trạng của một người phụ nữ kiên trung trong "ngày Huế vỡ mặt trận" được cấp trên giao nhiệm vụ tham gia kháng chiến và đưa mẹ già đi cùng. Bà lúc bấy giờ là một người trẻ tuổi đầy nhiệt huyết, rất phấn khởi nhưng mẹ già sức yếu kháng chiến lại không chờ đợi ai, bà đành bỏ lỡ. Đến ngày hoà bình, bà Lan Hữu vẫn âm ỉ nỗi dằn vặt trong lòng vì lần bỏ lỡ kháng chiến đó. Khi ca ngợi vẻ đẹp của một vùng đất, tác giả cũng mượn thơ để lột tả vẻ đẹp của hồn cảnh vật. Mảnh đất Kim Long (xứ Hà

Khê xưa) nổi tiếng là vùng đất văn học, là nơi ở của nhiều trí thức, nghệ sĩ, nơi tập trung trường học, trường thi quốc gia. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã dùng thơ của cụ Đồ Chiểu để điểm tô cho nét vẽ bức tranh vùng đất ấy: "*Chính là cái quán ẩn tàng kim luân mà Lục Vân Tiên đã ghé vào; ông chủ quán bừng bừng nhân nghĩa, và cả nàng Kiều Nguyệt Nga có cha làm tri phủ ở miền Hà Khê kia nữa, tất cả cái xã hội chính, tà chung quanh quẫng đời thư sinh của Nguyễn Đình Chiểu đều có mặt ở Kim Long thời ấy*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.29). Cũng có khi lại là giọng người ngâm thơ hầu đồng Tiên giáng giả trong tiết Nguyên Tiêu ở bài kí *Ngọn núi ảo ảnh*: "*Ta lại có lúc rong chơi Tam Đảo/ Lại trải qua mười sáu động Tiên/ Từng xem thương hải tang điền/ Bầu trời đã rộng ngày Tiên lại dài*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.32). Ở những bài tác giả viết về nhân vật lịch sử, về tác giả văn học hay nhạc sĩ là những bài được ông trích dẫn thơ nhiều nhất. Cụ thể, hàng loạt bút kí được sắp xếp liên tiếp trong tập 3: *Tống biệt Lưu Nguyễn Về trời, cảm nhận thơ Ngô Kha, Bùi Giáng trong tôi, Nhìn lại thi sỹ Bích Khê, Thảo am Nguyễn Khoa Vy, Ưng Bình Thúc Gia Thị, Thăm mộ Nguyễn Công Trứ, Thành kính tưởng niệm Trần Cao Vân, Thầy Đào Duy Từ* được nhà văn trích dẫn thơ dày đặc nhằm thể hiện tình cảm ngợi ca, thán phục hoặc cảm nhận về những chiến tích, sự cống hiến của các vị tiền bối. Vì vậy, trong loạt bút kí nêu trên, có bài tác giả ca ngợi sự đổi mới trong thơ Bích Khê: "*Bích Khê khẳng định một yêu cầu thuộc về bản chất của khát vọng đổi mới: Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm/ Chữ điêu khắc, tỉa nghệ thuật sâu căm/ Lúc trong ngâm, giữ kho vàng mộng tưởng/ Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.289). Trong bút kí *Thảo am Nguyễn Khoa Vy*, ông ca ngợi tài nghệ sử dụng ngôn ngữ dân gian xứ Huế rồi vận dụng thành chất liệu thơ độc sáng: "*Xin dẫn ra đây bài Đêm đi đò đập đá để biết tài nói lái của Thảo Am: Đập - cũ đò đư đủ cặp - đời/ Trời - cho sức khoẻ lắm trò - chơi/ Có - đôi khi rảnh lên côi - đó/ Cười - ngả nghiêng cho mệt cả - người*" (Nhiều tác giả 2023c, tr.294). Trong tác phẩm này, ngoài tài năng vận dụng ngôn ngữ chất thơ vào thể loại bút kí, nhà văn còn tỏ ra là một người có khả năng phân tích ngôn ngữ thơ, ông đã phân tích nghệ thuật sử dụng chất liệu dân gian, tài nói lái... và khẳng định, với biệt tài ngôn ngữ của Thảo Am, nhà thơ đã: "*Đi vào nhiều thể loại thơ, thơ hoạt kê, thơ Huế tình, thơ phong nhã… và đặc biệt là thơ của nỗi lòng đất nước theo đẵng suốt một đời kẻ sĩ*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.294). Với ưu thế về ngôn ngữ, nhà văn cũng không ngần ngại trích dẫn Đường thi, dịch Đường thi và phân tích thơ Đường trong *Ưng Bình Thúc Gia Thị*: "*Tiền bất kiến cổ nhân/ Hậu bất tri lai giả/ Niệm thiên địa chi du du/ Hốt nhiên sa thế hạ"; tạm dịch: "Ai ngày trước đã qua/ Ai ngày sau chưa tới/ nghĩ trời đất không cùng/ Đột nhiên dòng lệ chảy*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.296- 297). Sau đó, ông phân tích đại ý của bài thơ Đường này như sau: "*Đó là tâm trạng bơ vơ của một lớp người khi nhìn đằng sau, lớp trẻ chưa thấy xuất hiện; mà nhìn phía trước những tài hoa đã khuất bóng*". Từ ý nghĩa đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã liên hệ đến tâm lí học thời hiện đại, tâm lí học ngày nay coi đó là nỗi bơ vơ trước thời gian; hoặc còn gọi là mặc cảm mồ côi. Nhà văn còn là một người am hiểu ngôn ngữ thơ Thiền khi ông đi giải thích nghĩa bài thơ Thiền của Thiền sư Viên Thành - người sáng lập ra chùa Trà Am. Đây là thi phẩm nói về đô thị Huế: "*Vằng vặc núi Ngự, nước sông Hương/ Chưa đi tới đó hận muôn đường/ Khi đã tới rồi không gì lạ/ Vầng trăng núi Ngự, nước sông Hương*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.122). Và ông phân tích nghĩa tác phẩm theo ngôn ngữ Thiền như sau: "*Hiểu theo ngôn ngữ Thiền, bài thơ này hàm ý rằng nếu như nhìn nó như một cá thể (đối chọi với những thành phố khác) thì Huế không có gì là lạ, và để nhận thức Huế, người ta cần thấy cá tính của nó*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.122). Trong tâm thức sử dụng ngôn ngữ của Người Việt, chúng ta thường mượn ý nghĩa của những câu ca dao để liên hệ đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Đây cũng là cách nói giảm nói tránh có dụng ý nghệ thuật hiệu quả nhất để thể hiện phép lịch sự, nhưng mang ý nghĩa rõ ràng. Lời thơ của ca dao thường ngắn gọn được thể hiện bằng thể thơ lục bát. Tuy ngắn gọn nhưng trong mỗi câu đều thể hiện trọn vẹn chủ đề được nói đến. Bút kí của Hoàng Phủ có nhiều bài cũng mượn lời của ca dao để diễn đạt một vấn đề hay một câu chuyện. Chẳng hạn, khi khẳng định thiên nhiên có vai trò quan trọng đối với đô thị cổ còn lại giữa lòng thế giới hiện đại đẹp như một bức hoạ. Để lột tả vẻ đẹp hữu tình này, ông đã dẫn lời ca dao: "*Đường vô xứ Huế quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ*". Có khi, nhà văn dùng ngôn ngữ ca dao để tái hiện lại phong tục chợ phiên ngày Tết đầy màu sắc của làng Tây Thượng - thôn Vĩ Dạ chuyên bán quần áo bé trai may sẵn: "*Chợ Dinh bán áo con trai/ Triều Sơn bán nón Mậu Tài bán kim*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.221). Chúng tôi đã thống kê có 52/111 (chiếm 46,84%) bút kí trong ba tập

sách được Hoàng Phủ Ngọc Tường trích dẫn và phân tích ngôn ngữ của câu/ đoạn thơ. Điều này góp phần vào sự phong phú cho các yếu tố tạo nên "chất thơ" trong sáng tác của ông.

2.4. Nghệ thuật sử dụng ngôi kể và phương ngữ

Ngoài ngôn ngữ của nhạc lí, của thi ca và các biện pháp tu từ; nhà văn còn dùng nghệ thuật ngôi kể và phương ngữ để dẫn dắt nhân vật quay trở về với miền kí ức; và đây cũng là một trong các yếu tố tạo nên ngôn ngữ "chất thơ" cho bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường. Nhờ cảm hứng trữ tình sâu lắng dẫn dắt nên các ghi chép, các trạng huống rất gần gũi được nhà văn kể ra vừa có chất giản dị ngày thường của người bản xứ vừa lấp lánh cấu trúc kì ảo của những tứ thơ. Ông thường khám phá những kí ức để mượn cớ biểu hiện những nỗi niềm trăn trở, ưu tư. Đôi lúc, Hoàng Phủ Ngọc Tường sáng tác bút kí như phương tiện để chuyển hoá nội tâm, chuyển tải cảm giác bằng những đoạn văn ngắn, ít nhiều có người có việc. *Tết Huế* là câu chuyện dựa vào những hồi ức tuổi thơ của tác giả về văn hoá phong tục, lễ nghi của người Huế trong ngày Tết. Nhân vật trong bút kí này đứng ở ngôi kể thứ nhất - xưng "tôi". Tác giả hoài niệm đón Tết bên người thân nhất là bên mẹ và ông sáng tác thành tác phẩm. Chính vì không cần dàn dựng một kết cấu chặt chẽ, chi tiết tỉ mỉ cho câu chuyện nên chỉ cần có chất xúc tác gợi hứng, có cảm xúc là ông viết. *Tết Huế* là một câu chuyện như vậy. Nhân vật tôi được mẹ may cho áo mới; được chơi các trò chơi dân gian; được chờ đợi các món mứt, món bánh, món nộm, món chè truyền thống do chính tay mẹ làm trong ngày Tết. Nhân vật tôi kể về những kỉ niệm đó với một giọng điệu trầm lắng, bồi hồi. Ông nâng niu chúng như gìn giữ phong tục đẹp của gia đình và xứ sở: "Tôi tin rằng những món ăn ấy là một phần của bí quyết văn hoá ẩm thực xứ Huế". *Tết Huế* giống như một hồi kí tuổi thơ với những kỉ niệm đẹp của nhà văn bên gia đình trong ngày Tết cổ truyền đậm đà bản sắc dân tộc. Tác phẩm *Những thiên thể chiếu sáng trong tôi*, tác giả cũng dùng ngôn ngữ ngôi kể thứ nhất xưng "tôi", nhưng lại có sự kết hợp đan xen của ngôn ngữ nhân vật lúc lên ba trong kí ức với lời kể của nhân vật "tôi" ở thời hiện tại: "*Trong kí ức tuổi thơ của tôi, luôn hiện bóng một thằng bé ba tuổi - chính là tôi - ngồi im nghe, và một bà cụ già là bà tôi, nhân vật luôn kể những mẩu chuyện huyền thoại, mà hồi đó trí tưởng tượng còn thơ dại của tôi vẫn cho rằng đúng là sự thực*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.250). Qua trải nghiệm của cuộc đời với những ngày kháng chiến gian khổ và những mối tình thoảng qua, nhân vật "tôi" nhận định những yếu tố huyền thoại không chỉ là những gì ta đã tiếp nhận từ hồi thơ bé mà nó cứ tồn tại mãi mãi trong nhận thức của ta. Tương tự là bút kí *Hoa trái quanh tôi,* tác phẩm cho người đọc thấy lòng yêu quý của nhà văn đối với vườn tược, cây trái xứ Huế. Đặc biệt là vườn Huế qua những hồi tưởng của ông với khu vườn An Hiên. Ở tác phẩm này, ông cũng nhập vai người kể chuyện để kể về vườn cây trái bốn mùa xum xuê quả ngọt, hoa thơm, mùa nào thức nấy; về những cô nữ sinh trường Đồng Khánh, về Huế trong kháng chiến… bằng ngôn ngữ và giọng điệu dạt dào tứ thơ: "*Vâng, thuở ấy sông đã xanh như bây giờ, như đã xanh như thuở Việt Thường. Tôi là người thư sinh đất Thăng Long, theo đám cưới Huyền Trân qua đây giữa một ngày dòng sông bồi hồi son phấn kinh thành*" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.30). Những câu chuyện giản dị khơi nguồn từ hồi tưởng và cảm xúc thường được ông xen lẫn nhiều phương ngữ, đó là phương ngữ Huế. Những từ: "*quá giang*" (như một sự tình cờ *quá giang* theo mùa hạ), "*chi*", "*té ra*", "*đi mô*", "*ước chi*" (Tưởng không biết *chi* hết. *Té ra* cũng biết được một hai điều…; *Ước chi* mình được làm ông cai vườn… *Ước chi* chính mình lo việc quản lí cỏ mả cho một cái vườn -Trong bút kí *Thành phố cỏ mả*). Hoặc các từ, cụm từ như: "*đi mô*", "*tít tè nì*", "*mô… hè*?", "*nớ*", "*mô*", "*nì*", "*răng*", "*hỉ*", "*không khác chi*", "*năm tề năm tế*" -Trong bút kí *Như con sông từ nguồn ra biển*): "*Tưởng anh đi mô, té ra anh ngồi một mình ở đây. Đang nhớ người thành nội phải không?..., sông chảy về mô, anh Ngọc hè?.. vậy là khe suối mô trên ni cũng chảy về biển dưới mình hết anh Ngọc hè*!" (Nhiều tác giả, 2023a, tr.279, 283). Việc sử dụng nhiều phương ngữ xứ Huế một mặt do nhà văn có nhiều năm sống gắn bó với Huế, mặt khác do các bút kí tuyển chọn trong ba tập tập sách đều viết về con người, văn hoá, địa danh của xứ Huế nên ngôn ngữ ông sử dụng mang đậm dấu ấn phương ngữ Huế là một điều dễ nhận ra. Huế được mệnh danh là xứ sở của thơ, của mộng, gắn với nhịp sống thong thả, chậm rãi, thanh bình. Điều này thể hiện qua phong thái nhẹ nhàng, từ tốn trong sinh hoạt hàng ngày của con người nơi đây; nhờ đó đã tạo nên phong cách ngôn ngữ riêng trong kí của nhà văn. Ngoài ngôn ngữ trần thuật thiên về tả con người thực, sự việc thực thì ông còn sử dụng lối văn giàu nhạc điệu bắt nguồn từ phương ngữ xứ sở, góp phần tạo ra chất thơ trong ngôn ngữ bút kí của nhà văn. Có lần, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã phân tích vai trò của tính địa phương trong ngôn ngữ thơ ca hoặc nhạc lí

rằng: "*Điều dễ cảm nhận của thơ Ưng Bình Thúc Giạ Thị, ấy là tính địa phương của ngôn ngữ. Không nên hiểu địa phương như tính khoanh vùng tự cao tự đại của vùng này đối với các vùng khác, hoặc như tính chống nạnh đụng chạm người đứng bên cạnh; mà tính địa phương ở đây là tính giản dị của cách diễn đạt, và tính hồn nhiên của mỹ cảm*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.299). Đồng thời ông khẳng định tính địa phương trong ngôn ngữ khiến cho "*ngôn ngữ viết thống nhất với ngôn ngữ nói*" và ngôn ngữ góp phần định hình văn hoá dân tộc: "*Ta nhớ rằng thời mất nước, những người nghệ sĩ tâm huyết thường tìm cách trở về với văn hoá dân tộc để tìm sức mạnh để kháng chiến. Điều ấy dĩ nhiên thôi, vì ngôn ngữ là một yếu tố căn bản định hình nền văn hoá dân tộc, và để tìm về ngôi nhà văn hoá dân tộc, người ta phải băng qua hành lang của ngôn ngữ học*" (Nhiều tác giả, 2023c, tr.300). Nghệ thuật sử dụng ngôi kể và phương ngữ của nhà văn đã góp phần tạo nên sự phong phú trong ngôn ngữ của thể loại bút kí.

3. Kết luận

Như vậy, việc giới thuyết về ngôn ngữ, ngôn ngữ văn chương; về thể loại kí nói chung và thể loại bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường nói riêng là cơ sở để chúng tôi tìm hiểu vấn đề *Ngôn ngữ nghệ thuật trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường*. Nhằm làm rõ nội dung trên, các yếu tố tạo nên ngôn ngữ thấm đượm "chất thơ" trong các bút kí của ông đã được chúng tôi khảo sát, thống kê, phân tích ở từng tác phẩm cụ thể. Để tạo nên "chất thơ" trong ngôn ngữ, ngoài nhạc điệu còn có hình ảnh, cảm xúc…Tất cả tạo nên chỉnh thể nghệ thuật hài hoà, mang dấu ấn cá tính sáng tạo của tác giả. Chúng ta khó có thể tách rời các yếu tố này khỏi nhau bởi nó hòa quyện với nhau trong từng hình ảnh, từ ngữ, câu văn, đoạn văn để tạo nên một chỉnh thể tác phẩm hài hòa, thống nhất về mặt nội dung và nghệ thuật.

Ngôn ngữ giàu nhạc điệu được thể hiện qua cách Hoàng Phủ Ngọc Tường dẫn lời và phân tích ca từ của điệu hò, điệu lí, của các bản nhạc nổi tiếng vào trong tác phẩm của mình. Tiếp theo, nhà văn vận dụng linh hoạt nhiều biện pháp tu từ nghệ thuật để truyền đạt suy nghĩ, cảm xúc; nhờ đó mà sự vật, sự việc khi chiếu rọi qua lăng kính của ngôn ngữ bút kí đã tăng sức gợi hình và trở nên sinh động, có hồn, ấn tượng hơn. Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng thành công khi hoà quyện chất thơ vào các trang văn xuôi bằng cách trích dẫn và phân tích ngôn ngữ của thơ ca vào nhiều bút kí. Việc tác giả ưu tiên số lượng lớn tác phẩm để trích dẫn và phân tích ngôn ngữ của câu hay đoạn thơ trong ba tập sách nêu trên đã góp phần vào sự phong phú cho các yếu tố tạo nên "chất thơ" trong sáng tác của ông. Cuối cùng, nghệ thuật dùng ngôi kể kết hợp sử dụng phương ngữ để dẫn dắt nhân vật quay trở về với miền kí ức, miền hoài niệm bàng bạc chất thơ đã góp phần tạo ra nét riêng trong ngôn ngữ bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2010), *Từ điển thuật ngữ văn học,* Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (đồng chủ biên) (2004), *Từ điển văn học bộ mới*, Hà Nội: Nxb Thế giới
3. Nhiều tác giả (2023a), *Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập* - tập 1, TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.
4. Nhiều tác giả (2023b), *Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập* - tập 2, TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.
5. Nhiều tác giả (2023c), *Hoàng Phủ Ngọc Tường tuyển tập* - tập 3, TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.

Artistic language in Hoang Phu Ngoc Tuong's memoirs

Abstract: Distinctive language is a key factor in the success of a work and its author. Hoang Phu Ngoc Tuong has a famous collection of essays, "*Hoang Phu Ngoc Tuong Anthology*", comprising three volumes, published in 2023. In it, the author successfully explores the "poetic quality" of language by analyzing its various aspects: the rich musicality of the language through the use of folk songs, melodies, and musical compositions by various composers, creating a unique and distinctive language; the artistic rhetorical devices of comparison, personification, metaphor, metonymy, and rhetorical questions, both connecting reality with fantasy and offering praise; the poetic language that creates the poetic quality in the writing; and the combination of narrative perspective with dialect, creating situations that are both familiar and simple to the natives, yet sparkling with the fantastical structure of poetic imagery.

Key words: language of memoirs; language rich in melody; artistic rhetorical devices; language of poetry; narration with dialect.